

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 26-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hằng

- Bà Nguyễn Thị Thao

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26-6-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/HSST ngày 06-5-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 14-6-2019 đối với bị cáo:

Nông Thị H - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1996 tại: Lục Yên, Yên Bái

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Nghề nghiệp: trồng trọt

Trình độ văn hóa: 10/12

Dân tộc: Nùng

Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nông Văn T1 (đã chết)

Con bà: Lý Thị V (đã chết)

Chồng: Lương Mạnh H1, sinh năm 1988 và 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017)

Đều trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Lương Văn T2- sinh năm 1965

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái- có mặt

Nguyễn Thị X, sinh năm 1968 – có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị X: Ông Lương Văn Ty

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái - có mặt

* Người làm chứng:

- Lương Mạnh H1, sinh năm 1988 – có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái

- Lương Văn H2, sinh năm 1990 – có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái

- Đinh Thị T3, sinh năm 1981 – vắng mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Thị H là con dâu ông Lương Văn T2 và bà Nguyễn Thị X. Nhà của vợ chồng H gần nhà bố mẹ chồng (Thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Yên Bái). Khoảng 18 giờ ngày 10-02-2019, trong khi dọn dẹp nhà bố mẹ chồng, Nông Thị H thấy ngăn tủ bên trái của chiếc tủ gỗ ba gian kê ở phòng khách khóa chưa kín nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H dùng tay cậy cửa tủ ra và lục tìm tài sản, H lấy trộm được số tiền 9.100.000đồng để trong chiếc cặp và lấy trộm trong chiếc hộp nhựa màu đỏ gói trong túi nilon 01 đôi hoa tai bằng vàng (có giá trị: 7.400.000đồng), 01 mặt dây chuyền bằng vàng có gắn một viên đá hình tròn màu xanh (có giá trị: 1.850.000đồng). Sau khi lấy được tài sản trên, H đem về nhà ở của mình cất giấu tiền tại mái lán để củi, còn hoa tai và mặt dây chuyền Hòa giấu trong lỗ viên gạch kê máy giặt ở trong bếp và đem vứt vỏ hộp đựng cùng túi nilon đi. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lương Văn T2 về nhà và phát hiện gia đình bị mất trộm tiền, vàng nên đã báo cáo sự việc đến Công an xã T, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Quá trình xác minh ngày 13-02-2019 và 14-02-2019, Nông Thị H đã tự nguyện giao nộp số tiền 9.100.000đồng và số vàng đã trộm cắp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Thị H khai báo thành khẩn, bị cáo H khai nhận: Ngày 10-02-2019, lợi dụng sơ hở của gia đình ông Lương Văn T2 và bà Nguyễn Thị X nên

bị cáo đã có hành vi trộm cắp số tiền 9.100.000đồng và 01 đôi hoa tai bằng vàng, 01 mặt dây chuyền bằng vàng có gắn một viên đá hình tròn màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 14/QĐ-VKSTP ngày 06-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố Nông Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Thị H từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo là người không có công việc ổn định, không có thu nhập, tài sản nên không đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trấn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo đã phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 10-02-2019, bị cáo Nông Thị H đã có hành vi trộm cắp số tiền 9.100.000đồng và 01 đôi hoa tai bằng vàng, 01 mặt dây chuyền bằng vàng có gắn một

viên đá hình tròn màu xanh của gia đình ông Lương Văn T2 và bà Nguyễn Thị X tổng giá trị tài sản là: 18.350.000 đồng. Xét bị cáo Nông Thị H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Nên cần thiết phải đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, là phụ nữ có thai, bị hại ông Lương Văn T2 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trên cơ sở xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, cũng có thể cải tạo được bị cáo.

[5] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 9.100.000 đồng và 01 đôi hoa tai bằng vàng, 01 mặt dây chuyền bằng vàng có gắn một viên đá hình tròn màu xanh cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Lương Văn T2 và bà Nguyễn Thị X là chủ sở hữu hợp pháp và ông T2, bà X không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Thị H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nông Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nông Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Công an huyện Trấn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam CA tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- Bị cáo, bị hại (2);
- Lưu HS (2), TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Hồng Phụng